

Bản án số: 472/2018/HC-PT
Ngày 15-11-2018.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng.
Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 309/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1570/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Thạch Thị Vi T; cư trú tại: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Kim Ron T1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Người bị kiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Địa chỉ: 52A, đường A1, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn V; cư trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

(vắng mặt).

- Ông Lâm Văn D; cư trú tại: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Dương Trường G; cư trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Bùi Văn H; cư trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tấn L; cư trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Huỳnh Tấn R; cư trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Bà Bạch Hồng Thàng; cư trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tài Đ; cư trú tại: Ấp A2, xã C2, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Vương L1; cư trú tại: Ấp C1, xã C2, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Sơn S; cư trú tại: Ấp C1, xã C2, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- Ông Trần Văn Q; cư trú tại: Ấp A3, xã A4, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện là bà Thạch Thị Vi T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 6 năm 2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Thạch Thị Vi T trình bày:

Trước đây mẹ của bà là Thạch Thị W có 18 công đất tọa lạc tại ấp C3, xã C, huyện C, tỉnh Cửu Long (nay là Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh). Năm 1982, ông Trần Văn V, Nguyễn Văn L3, Huỳnh Tấn R, Trần Văn Q, Dương Trường G, Bạch Hồng V2, Nguyễn Tài Đ lợi dụng chủ trương thu hồi đất của Nhà nước để thu hồi 18 công tầm cây của mẹ bà. Từ năm 1982 đến năm 1989, mẹ của bà liên tục khiếu nại. Năm 1989 Ủy ban nhân dân huyện C có họp giải quyết, mẹ bà không ký tên vào biên bản ngày 12 tháng 9 năm 1989 và không phải tên Thạch Thị Sa V1, mẹ của bà bị ép lãn tay (là dấu lãn lay ngược) vào biên bản ngày 26 tháng 9 năm 1989. Mẹ của bà không đồng ý với các biên bản trên. Từ năm 1990 đến năm 1997, mẹ của bà liên tục khiếu nại nhưng không được giải quyết. Năm 1998 mẹ của bà mất. Sau đó bà liên tục khiếu nại nhưng không được giải quyết. Đến ngày 20 tháng 5 năm 2004 bà có gửi đơn khiếu nại về việc đòi lại diện tích 2.997,2m² và 15 công đất của ông Nguyễn Văn L3, Huỳnh Tấn R, Trần Văn Q, Dương Trường G, Bạch Hồng V2, Nguyễn Tài Đ

chiếm lấy không bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện C trả lời không thụ lý giải quyết vì cho rằng bà không đủ điều kiện khiếu nại. Bà không thống nhất và tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1140/QĐ-CTH ngày 22 tháng 12 năm 2004 với nội dung không chấp nhận yêu cầu của bà. Ngày 13 tháng 6 năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND với nội dung thu hồi và hủy Quyết định 1140/QĐ-CTH ngày 22 tháng 12 năm 2004. Bà tiếp tục khiếu nại, đến ngày 12 tháng 8 năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản trả lời không giải quyết khiếu nại với lý do trễ hạn. Bà không đồng ý và tiếp tục khiếu nại, ngày 07 tháng 02 năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 316/QĐ- UBND giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại. Bà tiếp tục khiếu nại, đến ngày 24 tháng 12 năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 3825/QĐ-UBND thu hồi hủy bỏ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2013 với lý do việc khiếu nại của bà không thuộc trường hợp được giải quyết. Bà vẫn tiếp tục khiếu nại, ngày 02 tháng 12 năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4005/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại. Bà khiếu nại lên cấp trên, ngày 11 tháng 6 năm 2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 965/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của bà.

Bà Vi T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh hủy Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng có trình bày ý kiến tại Công văn số 1515/UBND-NC ngày 14 tháng 9 năm 2016 như sau:

Phần đất mà bà Thạch Thị Vi T khiếu nại có diện tích 2.977,2 m² (theo tư liệu đo đạc năm 2000) có nguồn gốc của bà Thạch Thị W (mẹ ruột bà Thạch Thị Vi T) (tên W được trích dẫn theo Công văn số 1515/UBND- NC ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh). Khoảng năm 1985, bà Thạch Thị W chuyển diện tích này cho ông Trần Văn V và nhận số tiền là 2.000 đồng. Sau khi cất lại nhà ở, ông Trần Văn V không sử dụng mà giao lại cho Khối vận của huyện C sử dụng. Đến năm 1989, bà Thạch Thị W phát đơn yêu cầu bồi hoàn thành quả lao động trên diện tích 14 công ruộng của bà và yêu cầu ông Trần Văn V trả thêm tiền phần đất 2.000m². Ngày 12 tháng 9 năm 1989 Đoàn công tác giải quyết ruộng đất của huyện C phối hợp với xã C tiến hành giải quyết kết quả đối với phần đất 14 công (do đạc thực tế 15 công) yêu cầu các hộ trả thành quả lao động cho bà W. Đối với phần đất mà trước đây ông Trần Văn V đã trả thành quả lao động cho bà Thạch Thị W, Đoàn công tác yêu cầu gia đình ông Trần Văn V xem xét, nếu chưa đủ thì cân đối thêm. Sau khi giải quyết cho đến khi mất bà Thạch Thị W không khiếu nại. Đến năm 2004, bà Thạch Thị Vi T phát đơn yêu cầu bồi hoàn thành quả lao động là không phù hợp với quy định của pháp luật khiếu nại. Vì vậy, đơn của bà Thạch Thị Vi T khiếu nại Quyết định 3825/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện C là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số

4005/QĐ- UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến tại Công văn 2701/UBND-NC ngày 12 tháng 8 năm 2016 như sau:

Đối với diện tích đất 2.977,2m²: Theo kết quả xác minh phân đất này của bà Thạch Thị W (tên W được trích dẫn theo Công văn số 2701/UBND-NC ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh). Năm 1989 bà W đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng đối với diện tích 2.977,2 m² (bà Vi T thừa nhận tại biên bản ngày 24 tháng 6 năm 2004). Vì vậy việc bà Vi T yêu cầu bồi hoàn diện tích này là không có cơ sở xem xét.

Đối với diện tích đất 15 công: Theo biên bản bồi thường ngày 26 tháng 9 năm 1989 bà Thạch Thị W đã nhận đủ tiền bồi thường của các hộ. Bên cạnh đó qua xem xét đơn khiếu nại ngày 26 tháng 7 năm 2005 của bà Thạch Thị Vi T và tại biên bản tiếp xúc ngày 07 tháng 6 năm 2004 bà Thạch Thị Vi T thừa nhận mẹ của bà đã nhận tiền bồi hoàn xong. Từ năm 1989 cho đến khi bà W chết vào năm 1998 gia đình bà không có khiếu nại. Vì vậy căn cứ khoản 6, Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc khiếu nại của bà Vi T thuộc trường hợp không thụ lý để giải quyết. Từ cơ sở trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh khẳng định Quyết định 965/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh là phù hợp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tiến hành việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại giữa các đương sự. Tuy nhiên, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người bị kiện vắng mặt nên việc đối thoại không tiến hành được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Vi T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2017, bà Thạch Thị Vi T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp

phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Người khởi kiện bà Thạch Thị Vi T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Việc khởi kiện của bà T và kháng cáo của bà T là có căn cứ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã không xem xét chứng cứ một cách toàn diện, không lấy lời khai của ông V trong khi ông V là người chiếm đất của bà T. Tòa án sơ thẩm cũng không xem xét thẩm định tại chỗ những người đang trực tiếp sử dụng đất để biết đất có diện tích bao nhiêu, đưa những người đang sử dụng đất vào tham gia tố tụng. Bà T yêu cầu hủy Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (Quyết định số 965) và Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (Quyết định số 4005). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân là không đúng, theo Luật khiếu nại thì việc giải quyết khiếu nại phải tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại, căn cứ kết quả đó mới tiến hành giải quyết, Quyết định số 4005 không thể hiện nội dung đối thoại giữa người khiếu nại với người bị khiếu nại, thời gian giải quyết khiếu nại cũng không đúng quy định pháp luật. Quyết định số 965 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết khiếu nại của bà T cũng không đúng trình tự vì đã vi phạm về thời hạn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định.

Về nội dung, theo biên bản bồi thường ngày 26 tháng 9 năm 1989 bà Thạch Thị W đã nhận đủ tiền bồi thường của các hộ. Bà T cho rằng mẹ bà không ký tên vào Biên bản ngày 12 tháng 9 năm 1989 nhưng Thạch Thị Sa V1 và Thạch Thị W là cùng một người, bà cho là mẹ của bà bị ép lãn tay (là dấu lãn tay ngược) nhưng không có cơ sở chứng minh. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa và thảo luận nghị án của Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến

nội dung vụ án như phần tóm tắt đã được viện dẫn trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo của người khởi kiện bà Thạch Thị Vi T, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 16/01/2018 người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và ngày 03/11/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có đơn xin xét xử vắng mặt, theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Ngày 02/12/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4005/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Thạch Thị Vi T. Không đồng ý, bà T khiếu nại. Ngày 11/6/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 965/QĐ-UBND giải quyết bác khiếu nại của bà T.

Ngày 20/10/2015, bà Thạch Thị Vi T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên. Tòa án nhân tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện:

[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 giải quyết khiếu nại của bà Thạch Thị Vi T đối với Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C. Không đồng ý, bà T tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 giải quyết khiếu nại của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 126, Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3] Về nội dung của các quyết định bị khởi kiện:

[3.1] Nguồn gốc diện tích 2.977,2 m² là của bà Thạch Thị W (Thạch Thị W) đã chuyển nhượng thành quả lao động 2.000m² cho ông Trần Văn V với số tiền là 2.000 đồng. Năm 1989, W tiếp tục làm đơn yêu cầu bồi hoàn thành quả lao động đối với diện tích 2.977,2 m² này. Ông Lê Minh D1 đại diện đã chi trả cho W số tiền 495.000 đồng với diện tích thỏa thuận là 2.750 m² (theo biên bản ngày 26/9/1989). Bà T cũng thừa nhận việc mẹ bà có nhận tiền thành quả lao động của phần diện tích đất nói trên (theo Biên bản ngày 24/6/2004).

[3.2] Đối với phần diện tích 15 công đất (theo kết quả đo đạc thực tế ngày 13/9/1989) tọa lạc tại ấp C3, xã C (nay là Khóm 6, thị trấn C), huyện C cũng có nguồn gốc là của bà Thạch Thị W. Khoảng năm 1979, toàn bộ diện tích đất trên được đưa vào tập đoàn sản xuất và giao khoán lại cho các hộ sử dụng gồm: Nguyễn Văn Lực, Huỳnh Tấn R, Trần Văn Q, Dương Trường G, Bạch Hồng V2 và Nguyễn Tài Đ. Năm 1989, W có khiếu nại và được Đoàn công tác giải quyết

ruộng đất huyện C giải quyết vào ngày 26/9/1989. Sau khi giải quyết xong bà Thạch Thị Vi T thừa nhận mẹ bà có nhận số tiền trả thành quả lao động của phần diện tích đất nói trên.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thạch Thị Vi T cho rằng Biên bản giải quyết ngày 12/9/1989 không phải mẹ của bà ký tên, qua xác minh thì tên Thạch Thị Sa Q1 trong Biên bản ngày 12/9/1989 và Thạch Thị W là cùng một người. Đối với Biên bản ngày 26/9/1989, bà T cho rằng mẹ bà bị ép lãn tay nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh là mẹ của bà bị ép buộc. Bà T cũng cho rằng từ năm 1989 đến khi W mất, mẹ bà đã liên tục khiếu nại nhưng bà không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh. Đến ngày 20/5/2004 bà Thạch Thị Vi T mới có đơn khiếu nại đòi lại diện tích 2.977,2 m² đất nêu trên thì đã hết thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 31, khoản 4 Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998.

[3.4] Do đó, ngày 02/12/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4005/QĐ-UBND và ngày 11/6/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 965/QĐ-UBND giải quyết bác khiếu nại của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Vi T đề nghị hủy hai quyết định nêu trên. Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đúng đắn các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Thạch Thị Vi T.

[4] Về án phí: Bà Thạch Thị Vi T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của bà Thạch Thị Vi T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Vi T đề nghị hủy Quyết định số 4005/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 11/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Thạch Thị Vi T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012972 ngày 25/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh(1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh(1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(2);
- Lưu hồ sơ (1),VP(3),12b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên

Hoàng Thanh Dũng

Trần Thị Hoà Hiệp